

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 23/2024/DS-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Bình**

Bà **Dương Thị Thu Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Chu Minh Khôi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
An Thi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên tòa:

Ông **Đỗ Văn Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện An Thi xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-DS ngày 5 tháng 7 năm 2024 về
việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
17/2024/QĐXXST-DS ngày 14/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số
08/2024/QĐST-DS ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đào Văn P**, sinh năm 1965 (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Ngô Văn Đ**, sinh năm 1974 và bà **Phạm Thị P1** sinh năm 1979
(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cụ **Phạm Thị D (N)**, sinh năm
1936 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn H, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn là ông **Đào Văn P** trong quá
trình giải quyết vụ án thể hiện:

Ông và vợ chồng ông **Đ** có mối quan là người cùng làng với nhau, do ông **Đ**
cần tiền để cho con đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đã đến nhà ông để vay
tiền, vàng. Cụ thể các lần ông cho ông **Đ**, bà **P1** vay tiền, vàng như sau: ngày
15/06/2012 (âm lịch) cho vay 01 chỉ vàng 9999; ngày 26/6/2012 (âm lịch) cho vay

1,5 chỉ vàng; ngày 03/11/2017 (âm lịch) cho vay 1500 USD; ngày 12/11/2017 (âm lịch) cho vay 01 cây vàng SJC. Các lần vay tiền, vàng ông Đ đều viết giấy tờ nhận nợ. Khi ông đưa tiền vàng thì đưa tại nhà ông và đều có mặt vợ chồng ông Đ. Nguồn gốc số tiền, vàng cho vợ chồng ông Đ vay trên là của các anh chị em cho ông và mẹ ông không sử dụng đến. Trong giấy tờ vay không ghi thời gian trả nợ nhưng hai bên có thống nhất khi nào cần tiền thì ông sẽ thông báo cho ông Đ trước 01 tháng. Việc ông cho ông Đ vay tiền vàng không thỏa thuận phải trả lãi, ông chỉ nói việc trả lãi như thế nào là tùy vợ chồng ông Đ. Một năm đầu, ông Đ có trả lãi cho ông mỗi năm 04 - 05 triệu đồng, sau đó không trả nữa. Ông không nhớ cụ thể ông Đ đã trả lãi cho ông bao nhiêu. Việc ông Đ khai rằng bà P1 đã trả cho ông 01 cây vàng SJC trị giá bằng tiền là không đúng. Bà P1 có trả ông 36.000.000 đồng nhưng đây là tiền ông Đ bà P1 trả khoản vay khác vào ngày 19/6/2012 chứ không phải là ông bà ấy trả cho ông cây vàng giá trị bằng tiền. Ông Đ vay ông bằng vàng thì phải trả bằng vàng, ông không lấy tiền. Còn việc ông Đ bà P1 vay chung hay vay riêng thì ông không biết. Năm 2019, ông đã yêu cầu vợ chồng ông Đ trả số tiền vàng trên nhưng ông Đ và bà P1 không thực hiện trả nợ, đến nay mặc dù ông đã rất nhiều lần đến nhà, điện thoại đòi tiền nhưng vợ chồng ông Đ cố tình trốn tránh, không chịu trả lại số tiền, vàng đã vay. Do vậy, ông khởi kiện đến Tòa án yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà P1 trả ông số tiền đã vay là: 1500 USD; 01 cây vàng SJC và 2,5 chỉ vàng 9999. Ông không yêu cầu trả lãi.

Lời khai của bị đơn là ông Ngô Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Ông thừa nhận có vay của ông P, cụ D: 1500 USD, 01 cây vàng SJC và 2,5 chỉ vàng 9999. Mỗi lần vay tiền, vàng ông đều viết giấy tờ, chữ viết và chữ ký trong giấy tờ nhận nợ là của ông. Ông P đã giao cho ông đủ số tiền, vàng như đã thỏa thuận. Đối với 01 cây vàng SJC thì vợ ông đã trả cho ông P rồi và trả bằng tiền mặt, hai bên có giấy tờ gì không thì ông không biết. Số vàng và tiền còn lại hiện nay ông chưa trả. Ông đã trả lãi cho ông P hết năm 2022 nhưng không có giấy tờ gì, chỉ có cụ D là người chứng kiến. Đối với số nợ của ông P hiện nay ông chưa có điều kiện trả. Việc vay nợ là ông vay riêng, không liên quan gì đến bà P1.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ D: Cụ không nhớ rõ năm nào nhưng cách đây đã lâu vợ chồng ông Đ có đến nhà cụ hỏi vay tiền, vàng, đô la thì ông P là người cho vay. Hai bên có viết giấy tờ vay mượn, cụ thể như thế nào do ông P và vợ chồng ông Đ làm việc với nhau, cụ không nắm được. Nguồn gốc số tài sản trên là do mẹ con cụ làm ăn, tích góp được từ việc lao động và con cháu biểu hàng năm không dùng hết. Mọi tài sản, tiền vàng do ông P quản lý. Cụ có nghe ông P nói vợ chồng ông Đ đến nay chưa trả những tài sản đã vay nên ông ấy khởi kiện nhờ Tòa xem xét giúp. Cụ yêu cầu ông Đ, bà P1 phải trả cho mẹ con cụ số tiền, vàng như ông P đã khai. Yêu cầu của ông P như thế nào thì cụ cũng nhất

trí như vậy. Do cụ già yếu không đi lại được nên đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt cụ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà P1 đến làm việc và đã đến tận nhà bà P1 để lấy lời khai nhưng bà P1 đều không có mặt ở nhà nên không lấy được lời khai của bà P1.

Ngày 23/8/2024, ông P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 1.500USD. Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án dân sự.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là ông P giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải trả ông 01 cây vàng SJC và 2,5 chỉ vàng 9999 quy đổi ra tiền Việt nam đồng, ông không yêu cầu trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã cơ bản chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án tranh chấp dân sự: Căn cứ các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, 164, 166, 221, 274, 275, 356, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc vợ chồng ông Đ, bà P1 phải liên đới trả cho ông P và bà D: 01 cây vàng SJC và 2,5 chỉ vàng 9999 (tương đương với số tiền được quy đổi tại thời điểm xét xử);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết.

Nguyên đơn là ông Đào Văn P khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn Đ và bà Phạm Thị P1 phải trả số tiền, vàng đã vay nên quan hệ pháp luật cần phải giải quyết trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Đ, bà P1 mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, còn cụ D do già yếu không đi lại được nên cụ đã đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt cụ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Theo lời khai của nguyên đơn là ông P thì ông và cụ D có cho vợ chồng ông Đ vay 01 cây vàng SJC và 2,5 chỉ vàng 9999, cụ thể: Ngày 15/06/2012 (âm lịch) cho vay 01 chỉ vàng 9999; ngày 26/6/2012 (âm lịch) tiếp tục cho vay 1,5 chỉ vàng; ngày 12/11/2017 (âm lịch) cho vay 01 cây vàng SJC. Ông Đ cũng thừa nhận việc vay nợ này và ông xác định chữ viết, chữ ký trong giấy tờ nhận nợ là của ông. Việc cho vay và ký kết nhận nợ giữa ông P và ông Đ được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Trong giấy tờ vay nợ không ghi thời gian trả nợ và lãi suất phải trả, nhưng hai bên có thống nhất khi nào ông P cần thì sẽ thông báo cho ông Đ trước 01 tháng, hai bên đều thừa nhận ông Đ có trả lãi cho ông P một thời gian nhưng không có giấy tờ gì. Năm 2019, ông P yêu cầu vợ chồng ông Đ trả nợ số vàng đã vay, tuy nhiên ông Đ bà P1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo ông Đ khai bà P1 đã trả nợ 01 cây vàng SJC cho ông P bằng tiền mặt nhưng ông P không thừa nhận việc này, ông P khai rằng số tiền bà P1 trả 36.000.000 đồng là tiền ông Đ bà P1 trả khoản vay khác vào ngày 19/6/2012 chứ không phải là ông bà ấy trả cho ông cây vàng giá trị bằng tiền. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh do vậy lời khai của ông Đ là không có căn cứ để chấp nhận.

Cũng theo ông Đ thì số tiền vàng vay của ông P là khoản ông vay riêng, không liên quan gì đến bà P1, tuy nhiên theo lời khai của ông P thì những lần vay vàng đều có mặt cả ông Đ, bà P1, hơn nữa, tại các giấy nhận nợ do ông Đ ghi đều ghi tên của cả hai vợ chồng, giấy nhận nợ ngày 12/11/2017 vay 01 cây vàng SIC có cả chữ ký của bà P1. Do vậy bà P1 cũng phải có trách nhiệm cùng với ông Đ hoàn trả cho ông P số vàng đã vay là 01 cây vàng SJC và 2,5 chỉ vàng 9999. Ông P không yêu cầu trả lãi nên Tòa không xem xét.

Tại phiên tòa, ông P đề nghị trả số vàng trị giá bằng tiền, theo biên bản xác minh giá vàng tại địa phương thì giá vàng trung bình mua vào ngày 20/9/2024 vàng 9999 là 7.737.500đ/chỉ: 2,5 chỉ x 7.737.500đ = 19.343.750đ, giá vàng SJC mua vào theo biểu giá của Công ty TNHH V là 80.000.000 đồng/lượng. Ông Đ, bà P1 có trách nhiệm trả cho ông P số tiền tương ứng là 19.343.750đ + 80.000.000đ = 99.343.750đ.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 385, 401, 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn P: Buộc ông Ngô Văn Đ, bà Phạm Thị P1 liên đới trả cho ông P 01 cây (lượng) vàng SJC và 2,5 chỉ vàng 9999, quy đổi ra tiền Việt nam đồng tổng là 99.343.750đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Đào Văn P1 phải chịu 4.967.187đ tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Trả lại ông P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ tại biên lai số 0000814 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ân Thi;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thủy